TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2024/DS - ST Ngày 21- 5- 2024 V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Trạch;

Bà Lý Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Slỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 01/4/2024 (tách ra từ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023) về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐ-TA ngày 09 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàm Văn Ch (Đàm Văn Tr), sinh năm 1979, cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vi Văn S, sinh năm 1989, cư trú tại: Thôn S (trước đây là thôn K), xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn- người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Phương T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Quyết định số: 1213/QĐ-UBND, ngày 10/4/2024 của Uỷ ban nhân dân huyện L về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự); vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1984; vắng mặt.

+ Chị Đàm Thanh T, sinh năm 2006; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đàm Văn Ch trình bày:

Năm 1995, gia đình ông Đàm Văn Ch được Uỷ ban nhân dân huyện L giao đất, giao rừng để trồng thông theo dự án 327 là thửa đất số 1095 tờ bản đồ địa chính số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có địa danh, địa điểm: PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; sau đó gia đình đã trồng cây thông theo dự án. Nhưng vì giáp với ruộng ông Vi Văn S nên gia đình ông cách ra một khoảng cách không trồng cây gì để không ảnh hưởng đến ruộng của ông Vi Văn S, đồng thời cũng không cho ai được trồng cây trên diện tích đất này. Năm 2011, gia đình ông Đàm Văn Ch được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Đàm Văn Tr (Chùng) và bà Hoàng Thị T. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 thì hộ ông Đàm Văn Tr (chùng) và bà Hoàng Thị T gồm có các thành viên là: Ông Đàm Văn Ch, bà Hoàng Thị T, cháu Đàm Thanh T. Tuy không trồng cây trên đất có tranh chấp nhưng gia đình ông Đàm Văn Ch vẫn quản lý đất và không có tranh chấp gì từ năm 1995 đến năm 2022 thì ông Vi Văn S mới tranh chấp. Ông Vi Văn S tự ý cuốc hố, trồng khoảng 300 cây bạch đàn trên đất. Ông Đàm Văn Ch đã yêu cầu ông Vi Văn S không được trồng cây nhưng ông Vi Văn S không nghe. Ông Đàm Văn Ch đã mời chính quyền địa phương vào làm việc nhưng ông Vi Văn S không hợp tác còn thách thức ông Đàm Văn Ch và cán bộ Uỷ ban nhân dân xã. Do hoà giải không thành nên ông Đàm Văn Ch khởi kiện ra Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Đàm Văn Ch nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 23, 26 và 27 tháng 02 năm 2024, xác định tổng diện tích đất tranh chấp với ông Vi Văn S là 1.226m^2, gồm: Diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 là đất rừng sản xuất có giá là 9.000 đồng/m^2; diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (hiện trạng là đất rừng sản xuất, qua chồng ghép bản đồ là đất trồng lúa); tài sản trên đất là 195 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm, có giá là 32.000 đồng/1 cây; địa chỉ: PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Đàm Văn Ch yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

(1) Yêu cầu hộ ông Đàm Văn Ch được quản lý, sử dụng diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đã được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011. (2) Yêu cầu được sở hữu 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ,

huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Đàm Văn Ch tự nguyện thanh toán 30% giá trị 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn S. (3) Ông Đàm Văn Ch rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên các phần đất này là 64 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm. (4) Ông Đàm Văn Ch yêu cầu giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định. (5) Buộc ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của gia đình ông Đàm Văn Ch.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2024, bị đơn ông Vi Văn S trình bày gia đình bị đơn có khu đất ruộng giáp với khe đồi PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Cuối năm 2022 thì ông Vi Văn S trồng các cây bạch đàn trên phần đất đồi giáp với khu ruộng của ông Vi Văn S. Do các hộ gia đình có đất đồi ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Nay, ông Vi Văn S mong muốn được tiếp tục chăm sóc các cây bạch đàn đã trồng đến năm 2028 thì khai thác cây và trả lại đất cho nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn không nhất trí với ý kiến của ông Vi Văn S thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và miễn án phí cho ông Vi Văn S vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại những lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn bà Hoàng Thị T, chị Đàm Thanh T cùng ý kiến, yêu cầu với ông Đàm Văn Ch.

Tại các văn bản trả lời, Uỷ ban nhân dân huyện L cung cấp thông tin: Năm 2011, Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T đối với thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định. Thửa đất số 1097 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không quy chủ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền nhưng không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo sự triệu tập. Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Văn Ch, giải quyết cho hộ ông Đàm Văn Ch được quản lý, sử dụng diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đàm Văn Ch về nghĩa vụ thanh toán 30% giá trị 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm trên diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho ông Vi Văn S. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu quyền quản lý, sử dụng diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên các phần đất này là 64 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm-10cm do nguyên đơn rút yêu cầu. Buộc ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của gia đình ông Đàm Văn Ch. Giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Vi Văn S không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T, chị Đàm Thanh T, người đại diện hợp pháp của UBND huyện Lộc Bình có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất". Đất tranh chấp tại PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về đất tranh chấp và tài sản trên đất: Đương sự nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 23, 26 và 27 tháng 02 năm 2024, xác định tổng diện tích đất tranh chấp với ông Vi Văn S là 1.226m^2, tài sản trên đất là 195 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm; gồm các diện tích sau: Diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 có 131 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm; diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 có 64 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm, cùng tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn địa chỉ: PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Nguyên đơn ông Đàm Văn Ch rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất là 64 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này.

[5] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất đối với diện tích 686m^2

và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Các đương sự đều thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc là do Uỷ ban nhân dân huyện L giao cho gia đình ông Đàm Văn Ch từ năm 1995 để trồng thông theo dự án 327, năm 2011 Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T. Như vậy, gia đình ông Đàm Văn Ch đã liên tục quản lý diện tích đất này. Tuy nhiên, cuối năm 2022 bị đơn ông Vi Văn S trồng bạch đàn trên đất tranh chấp nên mới phát sinh tranh chấp. Bị đơn ông Vi Văn S có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc các cây bạch đàn đã trồng vào năm 2022 cho đến năm 2028 thì bị đơn khai thác cây bạch đàn trả đất cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không nhất trí. Như vậy có căn cứ xác định lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là đúng và được bị đơn thừa nhận, đồng ý trả lại đất.

[6] Gia đình nguyên đơn ông Đàm Văn Ch đã được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T đối với thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn ông Vi Văn S không đăng ký kê khai, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình qua các thời kỳ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đều căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[8] Hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T có quá trình quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định, lâu dài, không có tranh chấp từ năm 2011 đến 2022; được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T đối với thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.*" Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 của Uỷ ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T đối với diện tích 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095. Do đó, yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của ông Đàm Văn Ch là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị đơn Vi Văn S không có quyền sử dụng đất nhưng tự ý trồng 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu di dời tài sản thành yêu cầu sở hữu 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất và tự nguyện thanh toán cho bị đơn 30% giá trị 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 1.257.600 đồng (một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng). Hội đồng xét xử xét thấy các cây bạch đàn trên đất tranh chấp đã lớn, việc di dời sẽ gặp khó khăn khi thi hành án, không đảm bảo giá trị kinh tế của tài sản trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thanh toán của nguyên đơn về nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn 30% giá trị 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 1.257.600 đồng (một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

[10] Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trợ hoạt động sử dụng đất là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và pháp luật đất đai về quyền của người sử dụng đất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn là ông Đàm Văn Ch đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 11.035.000 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.650.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất và chồng ghép bản đồ là 9.385.000 đồng cho toàn bộ diện tích 1.226m^2. Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng nên căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn là ông Đàm Văn Ch phải chịu chi phí tố tụng là 3.762.341 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng) tương ứng với việc rút yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 320m^2, diện tích 71m^2 và diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, xác nhận đã thi hành xong. Bị đơn ông Vi Văn liểm phải chịu chi phí tố tụng 7.272.659 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) tương ứng với yêu cầu quản lý, sử dụng 686m^2 và 122m^2 thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng là 7.272.659 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tương ứng với nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền 1.257.600 đồng (một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) theo khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, khoản 1, 2 Điều 26, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 189, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 4 Điều 157, khoản 1, 4 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15, khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hộ ông Đàm Văn Ch gồm các thành viên ông Đàm Văn Ch, bà Hoàng Thị T, chị Đàm Thanh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 686m^2 (ký hiệu thửa tạm 1095.2, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A19-A18-A30-A29-A27-A28) và 122m^2 (ký hiệu thửa tạm 1095.3, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A26-A27-A29-A30) cùng thuộc một phần thửa đất số 1095 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất (RST); địa chỉ: PK, thôn Thồng N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; được Uỷ ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 594148, số vào sổ cấp GCN: CH00888 ngày 10/8/2011 cho hộ ông Đàm Văn Ch và bà Hoàng Thị T; diện tích đất được thể hiện tại Trích đo số 04C-2024 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

1.2. Hộ ông Đàm Văn Ch gồm các thành viên ông Đàm Văn Ch, bà Hoàng Thị T và chị Đàm Thanh T được sở hữu 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm trên đất nêu tại mục 1.1. Ông Đàm Văn Ch có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ông Vi Văn S 30% giá trị của 131 cây bạch đàn đường kính gốc từ trên 5cm đến 10cm là 1.257.600 đồng (một triệu hai trăm năm mươi bẩy nghìn sáu trăm đồng).

1.3. Buộc bị đơn ông Vi Văn S chấm dứt hành vi cản trở hoạt động sử dụng đất của hộ ông Đàm Văn Ch gồm các thành viên ông Đàm Văn Ch, bà Hoàng Thị T, chị Đàm Thanh T đối với diện tích đất tranh chấp nêu tại mục 1.1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu giải quyết đối với quyền quản lý, sử dụng diện tích 320m^2 (ký hiệu thửa tạm 1097.2, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A18-A17-A23-A31-A30), diện tích 71m^2 (ký hiệu thửa tạm 1097.3, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A25-A26-A30-A31) và diện tích 27m^2 (ký hiệu thửa tạm 1097.4, được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A23-A24-A25-A31) cùng thuộc một phần thửa đất số 1097 tờ bản đồ số 01 xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất là 64 cây bạch đàn có đường kính gốc từ trên 5cm-10cm; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa (LUA); địa chỉ: PK, thôn Thông N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chưa quy chủ, diện tích đất được thể hiện tại Trích đo số 04C-2024 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn là ông Đàm Văn Ch phải chịu chi phí tố tụng là 3.762.341 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng). Xác nhận ông Đàm Văn Ch đã thi hành xong. Bị đơn ông Vi Văn S phải chịu chi phí tố tụng là 7.272.659 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng). Bị đơn ông Vi Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng là 7.272.659 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng).

4. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Đàm Văn Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước. Bị đơn ông Vi Văn S được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

Nông Thị Huyền Trang